

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2021.

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thìn

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2760/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX.ST-HNGĐ ngày 3 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐHPT ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: 256A/3, KP T, P. H, TP. B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Bùi Duy N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 256A/3, KP T, P. H, TP. B, tỉnh Đồng Nai

(Bà Huyền, ông Nhân vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/12/2020, bà Lâm Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với ông Bùi Duy N. Lý do xin ly hôn, theo bà Huyền trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2003 bà và ông Nhân tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 12/12/2003). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, vợ chồng không còn tôn

trọng quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà Huyền nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nhân.

Về con chung: Có 02 cháu tên Bùi Duy Quang, sinh ngày 11/3/2004 và Bùi Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 07/8/2010

Sau khi ly hôn, bà đồng ý nhận nuôi dưỡng cháu Ngọc vì cháu Ngọc đang sinh sống với bà và bà đồng ý giao cháu Quang cho ông Nhân nuôi dưỡng vì cháu Quang đang sinh sống với ông Nhân. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng tiền tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Bùi Duy N, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Nhân vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án nhân dân TP B không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ông Nhân vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng, còn bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Nhân để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Nhân vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông Nhân đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà Huyền, ông Nhân đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huyền, giải quyết cho bà Huyền được ly hôn với ông Nhân để trả tự do cả hai.

Về con chung: Có 02 cháu tên Bùi Duy Quang, sinh ngày 11/3/2004 và Bùi Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 07/8/2010

Giao cháu Bùi Duy Quang cho ông Nhân nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Thị Thanh Ngọc cho bà Huyền nuôi dưỡng, Tạm thời không ai phải cấp dưỡng tiền tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Huyền phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Lâm Thị H xin ly hôn với ông Bùi Duy N có địa chỉ cư trú tại: 256A/3, KP T, P. H, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Theo biên bản xác minh của công an P. H cung cấp thông tin: Ông Bùi Duy N có đăng ký thường trú tại địa chỉ 256A/3, KP T, P. H, TP. B, tỉnh Đồng Nai và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Duy N, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông Nhân vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Lâm Thị H và ông Bùi Duy N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 12/12/2003), theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo bà **Huyền** trình bày vợ chồng chỉ sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp cuộc sống chung không thể hòa hợp, nên không có hạnh phúc. Qua kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà Huyền, ông Nhân thì được biết mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ do không có báo với địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Nhân để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Nhân vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông Nhân đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà Huyền, ông Nhân đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huyền, giải quyết cho bà Huyền được ly hôn với ông Nhân để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Có 02 cháu tên Bùi Duy Quang, sinh ngày 11/3/2004 và Bùi Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 07/8/2010

Giao cháu Bùi Duy Quang cho ông Nhân nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Thị Thanh Ngọc cho bà Huyền nuôi dưỡng, Tạm thời không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà Huyền trình bày tài sản chung không có; nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông Nhân vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Huyền phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

[7] Đối với phần phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân TP. B tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án như trên. Xét thấy, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; điều 228, điều 238 Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Lâm Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Bùi Duy N.

2. Về con chung: Có 02 cháu tên Bùi Duy Quang, sinh ngày 11/3/2004 và Bùi Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 07/8/2010

Giao cháu Bùi Duy Quang cho ông Nhân nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Thị Thanh Ngọc cho bà Huyền nuôi dưỡng, Tạm thời không ai phải cấp dưỡng tiền tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Lâm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0007825 ngày 21/12/2020.

5. Bà Lâm Thị H và ông Bùi Duy N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Kiên

Trương Thị Thìn

Phan Thị Thu Thương

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Đồng Nai (1);
- Dương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương